

TỈNH ỦY BẮC GIANG

*

Số: 40 - CT/TU

ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM

Bắc Giang, ngày 30 tháng 5 năm 2003

BAN DÂN VẬN TỈNH ỦY BẮC GIANG	
C.V	Số: 158
ĐẾN	Ngày: 11/6/03
	Chức vụ:
	Lưu hồ sơ:

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

thực hiện Nghị quyết số 24- NQ/TW Hội nghị lần thứ bảy
Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX về công tác dân tộc

Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX đã ban hành Nghị quyết số 24- NQ/TW ngày 12/3/2003 về công tác dân tộc. Căn cứ Nghị quyết của Trung ương và tình hình thực tiễn của địa phương, Tỉnh ủy Bắc Giang xây dựng Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 24- NQ/TW trên địa bàn tỉnh như sau:

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ CÔNG TÁC DÂN TỘC TRÊN ĐỊA BÀN TRONG THỜI GIẠN QUÁ

I- Tình hình và kết quả:

Bắc Giang là một tỉnh miền núi, có 25 dân tộc thiểu số với 18 vạn người, sống tập trung chủ yếu ở 109 xã, thị trấn thuộc các huyện Sơn Động, Lục Ngạn, Lục Nam, Yên Thế, Tân Yên, Lạng Giang. Mỗi dân tộc có bản sắc văn hoá riêng, song đều có chung truyền thống đoàn kết, gắn bó lâu đời trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm và xây dựng đất nước, luôn có ý thức chấp hành đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà Nước. Vùng đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống chiếm 74% tổng diện tích tự nhiên toàn tỉnh, có vị trí chiến lược quan trọng cả về chính trị, kinh tế, an ninh, quốc phòng và môi trường sinh thái.

Thực hiện Nghị quyết 22- NQ/TW ngày 27/11/1989 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách lớn phát triển kinh tế- xã hội miền núi, công tác dân tộc, miền núi trong thời gian qua đã đạt một số kết quả bước đầu quan trọng, tình hình kinh tế- xã hội vùng dân tộc, miền núi đã có bước chuyển biến tích cực:

Các chương trình, dự án, chính sách đầu tư được tổ chức thực hiện đạt kết quả khá; công tác tuyên truyền, vận động đồng bào thực hiện các đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở được tăng cường; đã huy động tổng hợp các nguồn lực, động viên các ngành, các cấp, các lực lượng xã hội cùng đóng góp, tham gia xây dựng phát triển kinh tế- xã hội vùng dân tộc, miền núi.

Cơ cấu sản xuất trong vùng bước đầu chuyên dịch theo hướng hàng hoá, tỷ trọng công nghiệp- tiểu thủ công nghiệp và thương mại- dịch vụ đang tăng dần. Chăn nuôi có bước phát triển, giá trị sản xuất hàng năm tăng từ 7-8%, so với năm 1989 đàn lợn và sản lượng cá tăng gấp 2 lần, đàn bò tăng gần 20%. Cây ăn quả phát triển mạnh, đã hình thành vùng tập trung trên 3 vạn ha. Một số giống mới, kỹ thuật sản xuất mới đã được bà con áp dụng làm tăng năng suất và sản lượng một số cây trồng chủ lực: năng suất lúa tăng 1,7 lần, năng suất ngô tăng gấp hơn 2 lần so với 1989. Sản xuất lâm nghiệp trở thành một nghề của bà con các dân tộc; cùng với việc giao khoán đất rừng tới hộ và thực hiện các chương trình, dự án trồng rừng, đã làm tốt công tác khoanh nuôi tái sinh và bảo vệ rừng; tỷ lệ che phủ của rừng đạt trên 30% diện tích. Đời sống đồng bào các dân tộc từng bước được cải thiện, số hộ đói nghèo hàng năm giảm từ 3 đến 4%, một bộ phận đã vươn lên làm giàu.

Kết cấu hạ tầng kinh tế- xã hội được tăng cường đầu tư: Các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ được rải nhựa, các tuyến đường liên huyện, liên xã được cải tạo, nâng cấp; đến năm 2002 chỉ còn 5 xã ô tô chưa đến được trung tâm vào mùa mưa lũ, 100% các xã đều có nhà bưu điện văn hoá, bình quân đạt 1,66 máy điện thoại trên 100 dân, tăng 18 lần so với năm 1989. Đã có 95% số xã và 88% số hộ trong vùng được sử dụng điện lưới quốc gia. Có 38% số phòng học và 98% số trạm y tế xã được xây dựng kiên cố, trong đó hầu hết các xã đặc biệt khó khăn đều đã có trường học cao tầng. Mạng lưới chợ nông thôn được mở rộng, tạo điều kiện thuận lợi cho bà con các dân tộc mua bán, trao đổi hàng hoá. Đã hình thành 10 trung tâm cụm xã với vai trò là trung tâm phát triển kinh tế- xã hội của vùng. Tỉnh đã cấp 15 loại báo, tạp chí, gần 1.000 tivi, trên 5.000 radiô, xây dựng 09 trạm phát lại truyền hình, 20 trạm truyền thanh, nâng diện tích phủ sóng phát thanh lên 95%, sóng truyền hình là 80% và cấp nhiều thiết bị thông tin lưu động phục vụ cho các xã vùng dân tộc.

Sự nghiệp giáo dục- đào tạo, y tế, văn hoá vùng đồng bào các dân tộc có bước phát triển: 100% các xã đã hoàn thành xoá mù chữ, đạt tiêu chuẩn phổ cập tiểu học; hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú được củng cố. Đội ngũ cán bộ y tế cơ sở được tăng cường, nhiều trạm y tế xã đã có bác sĩ phục vụ; các chương trình mục tiêu y tế quốc gia được triển khai đồng bộ, đã ngăn chặn, kiểm soát một số dịch bệnh như sốt rét, bấu cô, lao, phong; công tác dân số kế hoạch hoá gia đình, phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi có tiến bộ. Truyền thống, bản sắc văn hoá tốt đẹp của các dân tộc được giữ gìn và phát huy; đã có 15,9% số thôn bản đạt tiêu chuẩn làng văn hoá các cấp.

Hệ thống chính trị được củng cố, tăng cường; quyền bình đẳng, tương trợ giúp nhau cùng phát triển giữa các dân tộc được coi trọng; người dân tộc thiểu số đã tham gia HĐND, bộ máy lãnh đạo đảng, chính quyền và các tổ chức đoàn thể các cấp. Vai trò các già làng, người dân tộc tiêu biểu được phát huy trong việc củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và phát triển kinh tế- xã hội trên địa bàn.

II- Hạn chế, khuyết điểm và nguyên nhân:

Kinh tế vùng đồng bào dân tộc phát triển chưa toàn diện, chưa tương xứng với tiềm năng, điều kiện của địa phương; cơ cấu kinh tế tuy có sự chuyển dịch song còn chậm, sản xuất chủ yếu vẫn là thuần nông, năng suất, chất lượng, hiệu quả thấp. Việc đưa các tiến bộ khoa học và công nghệ vào miền núi còn chậm, khả năng tiếp nhận của đồng bào các dân tộc còn hạn chế, kết cấu hạ tầng tuy có tăng cường song so với nhu cầu vẫn còn thiếu và yếu.

Việc tổ chức thực hiện các chính sách dân tộc có nơi còn có khuyết điểm, sai phạm làm ảnh hưởng đến lòng tin của đồng bào vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước.

Đời sống đồng bào các dân tộc nhất là ở các xã vùng cao còn gặp nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo cao hơn so với mức bình quân chung của tỉnh, mức hưởng thụ văn hoá của đồng bào còn thấp, chất lượng giáo dục, y tế còn có mặt hạn chế.

Hệ thống chính trị cơ sở ở một số nơi còn yếu, đội ngũ cán bộ cơ sở nhất là đội ngũ cán bộ là người dân tộc thiểu số còn ít về số lượng, trình độ còn thấp.

Nguyên nhân của những hạn chế khuyết điểm trên là do:

- Vùng đồng bào các dân tộc thiểu số sinh sống có địa bàn rất rộng, địa hình hiểm trở, chia cắt; đồng bào sống phân tán, ít có cơ hội tiếp xúc với các dịch vụ phúc lợi và nền kinh tế thị trường; sản xuất kém phát triển, mang tính tự túc, tự cấp với phương thức canh tác và các phong tục tập quán lạc hậu; trình độ nhận thức của đồng bào còn hạn chế.

- Nhận thức của một số cấp uỷ, chính quyền và một bộ phận cán bộ, đảng viên về vấn đề dân tộc, chính sách và công tác dân tộc chưa đầy đủ, chưa sâu sắc. Một bộ phận cán bộ, đảng viên vùng dân tộc còn tư tưởng trông chờ, y lại vào Nhà nước, chưa chủ động phát huy, khai thác tiềm năng, điều kiện của địa phương. Cơ quan làm công tác dân tộc còn có khó khăn, hạn chế về tổ chức bộ máy, về cơ sở vật chất phục vụ hoạt động.

Phần thứ hai

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

Trên cơ sở quán triệt những quan điểm cơ bản của công tác dân tộc trong thời kỳ mới mà Nghị quyết số 24- NQ/TW Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX đã xác định; căn cứ tình hình, điều kiện cụ thể của địa phương, Tỉnh uỷ xác định mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phát triển vùng dân tộc- miền núi trên địa bàn tỉnh từ nay đến năm 2010 như sau:

I- Các mục tiêu chủ yếu:

Phát triển kinh tế, xoá đói giảm nghèo, nâng cao mức sống đồng bào các dân tộc; đến năm 2010 giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống dưới 10% (theo tiêu chí hiện nay); cơ bản không còn xã đặc biệt khó khăn; giảm dần khoảng cách chênh lệch về mức sống giữa các dân tộc, các vùng; 100% số xã, 90% số hộ có điện sinh hoạt; 90% dân số được dùng nước sạch hợp vệ sinh; 100% số xã có đường ô tô vào đến trung tâm cả trong mùa mưa; cơ bản xoá tình trạng nhà tạm, nhà dột nát trong đồng bào nghèo các dân tộc thiểu số; hoàn thành phủ sóng phát thanh, truyền hình 100% diện tích các xã.

100% các huyện hoàn thành phổ cập trung học cơ sở; huy động 98-100% trẻ trong độ tuổi đến lớp; mỗi trạm y tế xã ít nhất có 1 bác sĩ, cơ bản kiểm soát, ngăn chặn được các dịch bệnh xã hội; giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi còn dưới 25%; có 30% số thôn, bản đạt tiêu chuẩn làng văn hoá.

II- Các nhiệm vụ trọng tâm:

1- *Đẩy nhanh xoá đói giảm nghèo, nâng cao đời sống đồng bào dân tộc:*

- Tiếp tục triển khai thực hiện tốt Chương trình xoá đói giảm nghèo ở vùng dân tộc, tập trung ở 64 xã, trong đó có 44 xã đặc biệt khó khăn, 20 xã nghèo ngoài vùng Chương trình 135 và 26 thôn, bản khu vực III (năm ở các xã khu vực II).

- Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng dân tộc theo hướng phát triển sản xuất hàng hoá. Khuyến khích phát triển các trang trại sản xuất- kinh doanh theo phương thức nông- lâm kết hợp. Thực hiện chuyển dịch trên 7.000 ha đất chân vàn cao, không chủ động nước tưới sang trồng cây ăn quả, cây công nghiệp ngắn ngày; áp dụng tiến bộ kỹ thuật, đưa các giống mới có năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế cao vào sản xuất thay dần các giống bản địa; cải tạo vườn tạp và mở rộng diện tích trồng cây ăn quả ở nơi còn điều kiện. Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi theo hướng giảm dần đàn trâu, tăng nhanh đàn bò, trong đó chú trọng phát triển đàn bò lai sind; phát triển đàn lợn, cải tạo đàn lợn nái để cung ứng giống tại chỗ cho đồng bào dân tộc và tăng tỷ lệ lợn hướng nạc ở những nơi có điều kiện. Khai thác, tận dụng các mặt nước ao, hồ để phát triển thủy sản. Thực hiện có hiệu quả các dự án trồng rừng; làm tốt công tác khoanh nuôi tái sinh, bảo vệ rừng; kịp thời trồng lại các diện tích rừng đã khai thác; đầu tư khai thác có hiệu quả các điểm du lịch. Khuyến khích phát triển các loại hình dịch vụ và sản xuất công nghiệp- tiểu thủ công nghiệp, nhất là các cơ sở chế biến nông lâm sản tại các trung tâm cụm xã, thị trấn, thị tứ miền núi.

- Tăng cường các biện pháp quản lý, giải quyết tốt vấn đề đất đai, bao đảm các hộ dân tộc thiểu số đều có đất ở và đất sản xuất; khẩn trương hoàn thành việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giao khoán đất đồi rừng cho các hộ quản lý, bảo vệ; ngăn chặn tình trạng chuyên mục đích sử dụng đất không đúng pháp luật; giải quyết kịp thời, dứt điểm các khiếu nại, tranh chấp đất

đai. Xây dựng, bổ sung và tổ chức thực hiện tốt chính sách hỗ trợ nhà ở cho các hộ nghèo là dân tộc thiểu số hiện đang ở nhà tạm hoặc chưa có nhà ở.

- Bố trí lại dân cư ở những nơi cần thiết, thực hiện di dân khỏi vùng Trường bản quốc gia theo đề án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; khuyến khích, thu hút dân cư vào các thị trấn, thị tứ, các trung tâm cụm xã, các điểm du lịch.

- Tăng cường xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng dân tộc- miền núi: Đẩy nhanh tiến độ hoàn thành xây dựng các trung tâm cụm xã thuộc Chương trình 135. Cải tạo nâng cấp các tuyến đường quốc lộ, đường tỉnh lộ, đường huyện, nhất là các tuyến đường liên xã, liên thôn, bao gồm cả cầu, ngầm, tạo điều kiện cho nhân dân đi lại thuận tiện cả trong mùa mưa lũ. Phát triển hệ thống thủy lợi theo quy hoạch đến 2010 UBND tỉnh đã phê duyệt, mở rộng diện tích canh tác được tưới chủ động. Đẩy mạnh thực hiện Chương trình nước sạch cho các hộ ở vùng đang thiếu nước hoặc phải dùng nước không hợp vệ sinh. Cải tạo, nâng cấp và phát triển lưới điện kết hợp xây dựng các trạm thủy điện nhỏ ở vùng đồng bào dân tộc. Phát triển mạng lưới chợ nông thôn hợp lý đáp ứng nhu cầu mua bán, trao đổi hàng hoá cho đồng bào các dân tộc. Tiến hành kiên cố hoá trường học, trạm y tế, trụ sở chính quyền xã; phát triển các nhà văn hoá thôn, bản. Quy hoạch xây dựng thị trấn Chủ thành đô thị loại 4 và hình thành các thị trấn, thị tứ ở miền núi.

2- Phát triển sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hoá, nâng cao dân trí vùng đồng bào các dân tộc thiểu số:

- Tiếp tục thực hiện Kế hoạch của Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 14-KL/TW của Hội nghị Trung ương sáu (khoá IX) về phương hướng phát triển giáo dục- đào tạo đến năm 2010; xây dựng đội ngũ giáo viên, tăng cường cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng giáo dục- đào tạo vùng đồng bào dân tộc, miền núi. Thực hiện mục tiêu: duy trì vững chắc kết quả chống mù chữ; đến năm 2005 có 100% các huyện hoàn thành phổ cập trung học cơ sở, hoàn thành phổ cập tiểu học đúng độ tuổi; mở rộng xây dựng các trường chuẩn quốc gia. Thực hiện tốt các chính sách ưu đãi của Nhà nước đối với giáo dục ở miền núi, vùng cao, nhất là chính sách cử tuyển với học sinh dân tộc thiểu số.

- Xây dựng, củng cố hệ thống y tế miền núi gồm: y tế thôn ban (ở các xã đặc biệt khó khăn), trạm y tế xã, các phòng khám đa khoa khu vực, các bệnh viện đa khoa tuyến huyện, bệnh viện đa khoa khu vực. Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc chính sách khám chữa bệnh đối với đồng bào các xã khu vực III và vùng dân tộc theo Quyết định 139/TTg ngày 15/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ. Tăng cường đưa bác sĩ về trạm y tế xã, thực hiện tốt các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế; nâng cao nhận thức cho đồng bào các dân tộc về vệ sinh phòng bệnh, sử dụng nước sạch, kế hoạch hoá gia đình, phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em và các bệnh dịch nguy hiểm. Khuyến khích trồng và sử dụng các loại cây thuốc nam dân gian ở vùng đồng bào dân tộc.

- Giữ gìn và phát huy các truyền thống, bản sắc văn hoá tốt đẹp của các dân tộc thiểu số, bảo tồn các di tích lịch sử, văn hoá vùng dân tộc và của các dân tộc thiểu số. Xây dựng cơ sở vật chất phục vụ hoạt động văn hoá, thông tin, thể dục thể thao ở các huyện, xã vùng đồng bào dân tộc- miền núi. Đầu tư xây dựng thêm các trạm phát lại truyền hình, các trạm truyền thanh cơ sở. Đẩy mạnh phong trào rèn luyện thể dục, thể thao, các hoạt động văn hoá, văn nghệ; tổ chức hội diễn, hội thao các dân tộc thiểu số từ cơ sở đến tỉnh. Đẩy mạnh cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở vùng đồng bào các dân tộc.

3- Củng cố, nâng cao chất lượng hệ thống chính trị cơ sở ở các vùng dân tộc thiểu số:

- Tổ chức rà soát, đánh giá, phân loại các tổ chức trong hệ thống chính trị ở cơ sở, từ đó xây dựng kế hoạch củng cố, tăng cường, nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động trong thời gian tới; khắc phục tình trạng hành chính hoá trong hoạt động của một số tổ chức đoàn thể; tình trạng quan liêu, xa dân của một số cấp chính quyền.

- Thực hiện tốt Chương trình cải cách hành chính của tỉnh giai đoạn 2001-2005 thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV; Nghị quyết Trung ương 5 (khoá IX) và Chương trình hành động của Tỉnh uỷ thực hiện Nghị quyết về đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn. Tiến hành quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ ở các xã vùng dân tộc để từng bước thực hiện "tiêu chuẩn hoá" và "công chức hoá" theo Pháp lệnh Cán bộ, công chức. Đẩy mạnh phát triển đảng viên trong đồng bào các dân tộc thiểu số.

4- Giữ vững quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội vùng đồng bào các dân tộc:

- Tăng cường giáo dục pháp luật, ý thức cảnh giác trong nhân dân, tích cực, chủ động đấu tranh chống âm mưu diễn biến hoà bình, lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo, lôi kéo chia rẽ đồng bào dân tộc của các thế lực thù địch. Thực hiện tốt chính sách quốc phòng toàn dân, kết hợp với lực lượng quân đội, công an đóng quân trên địa bàn, củng cố, tăng cường lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng an ninh thôn, xã, ứng phó kịp thời mọi tình huống xảy ra, không bị động, bất ngờ.

- Lực lượng vũ trang đóng quân trên địa bàn phối hợp, giúp đỡ địa phương trong công tác xoá đói giảm nghèo, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, giải quyết các mâu thuẫn nảy sinh, không để phát triển thành những "điểm nóng" về an ninh, trật tự xã hội vùng dân tộc- miền núi.

5- Nâng cao hiệu quả thực hiện công tác dân tộc phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới:

Thực hiện tốt qui chế dân chủ ở cơ sở, tạo điều kiện để nhân dân tham gia thực hiện và giám sát việc thực hiện các chính sách phát triển kinh tế- xã hội ở

địa phương. Có chính sách, biện pháp phát huy nội lực của đồng bào các dân tộc vươn lên phát triển kinh tế- xã hội, xoá đói giảm nghèo, xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

III- Một số giải pháp chính:

1- Tăng cường tuyên truyền phổ biến chính sách, pháp luật, giáo dục truyền thống cách mạng, đoàn kết trong đồng bào các dân tộc:

- Quán triệt sâu rộng đến các ngành, các cấp, mỗi cán bộ, đảng viên và nhân dân về công tác dân tộc của Đảng và Nhà nước trong tình hình hiện nay để thấy rõ những thành tựu cơ bản về công tác dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng trong thời kỳ mới, những khó khăn hạn chế phải khắc phục; nhận thức rõ những quan điểm, mục tiêu và giải pháp chủ yếu của công tác dân tộc trong giai đoạn mới; xác định việc thực hiện tốt chính sách dân tộc là nhiệm vụ thường xuyên và quan trọng của hệ thống chính trị vùng dân tộc và miền núi.

- Tuyên truyền vận động trong đồng bào các dân tộc phát huy truyền thống cách mạng, nêu cao ý thức tự lực, tự cường, tích cực tham gia thực hiện chính sách dân tộc, thực hiện các chủ trương phát triển kinh tế- xã hội, xoá đói giảm nghèo; giữ vững an ninh, quốc phòng trên địa bàn.

2- Huy động các nguồn lực, tăng cường đầu tư cho phát triển kinh tế- xã hội vùng dân tộc- miền núi:

- Triển khai có hiệu quả các chương trình phát triển kinh tế- xã hội của Tỉnh uỷ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV ở vùng đồng bào các dân tộc, nhất là Chương trình phát triển kinh tế- xã hội miền núi gắn với xoá đói giảm nghèo; tổ chức sơ kết việc thực hiện Chương trình này để rút kinh nghiệm tiếp tục triển khai trong thời gian tới.

- Thực hiện có kết quả các chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án trên địa bàn như Chương trình xoá đói giảm nghèo; Chương trình nước sạch; Chương trình chăm sóc sức khoẻ, phòng chống các bệnh dịch nguy hiểm; Chương trình 135; Chương trình trồng mới 5 triệu ha rừng... ; Dự án giảm nghèo (WB); Dự án di dân vùng Trường bản 1...

- Đa dạng hoá các hình thức huy động vốn đầu tư cho phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc như: Huy động vốn trong nhân dân, trong các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp, vốn tín dụng; kêu gọi các dự án đầu tư trong và ngoài nước; vận động các cơ quan, đoàn thể, đơn vị quân đội, các lực lượng xã hội ủng hộ, giúp đỡ đồng bào các dân tộc với nhiều hình thức: bằng tiền, hiện vật, ngày công...; đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng "Quỹ người nghèo, ngày vì người nghèo" của tỉnh.

3- Tăng cường công tác qui hoạch:

Rà soát, bổ sung, điều chỉnh quy hoạch phát triển kinh tế- xã hội các huyện vùng dân tộc- miền núi, các quy hoạch ngành từ nay đến 2010 cho phù

hợp, xây dựng kế hoạch 5 năm, hàng năm để thực hiện các mục tiêu của Chương trình. Chú trọng quy hoạch thị xã và các thị trấn, thị tứ, các trung tâm cụm xã trở thành các trung tâm kinh tế- xã hội- văn hoá thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế của vùng. Nghiên cứu quy hoạch lại dân cư ở những nơi cần thiết gắn với quy hoạch phát triển sản xuất và xây dựng cơ sở hạ tầng.

4- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất và đời sống:

Tiếp tục thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh uỷ và Kế hoạch của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 khoá VIII về chiến lược phát triển khoa học và công nghệ trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Đẩy mạnh việc nghiên cứu đưa các giống cây trồng, vật nuôi có năng suất cao, chất lượng tốt vào sản xuất, nhất là giống cây lương thực, cây ăn quả, giống gia súc, gia cầm, thủy sản. Tăng cường công tác khuyến nông, khuyến lâm, chuyên giao công nghệ mới trong bảo quản, chế biến nông lâm sản cho đồng bào các dân tộc ở miền núi.

5- Triển khai các chính sách của Trung ương; rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các cơ chế, chính sách của địa phương tạo điều kiện cho phát triển vùng đồng bào dân tộc:

- Về đất đai: Khuyến khích chuyển đổi đất ruộng một vụ lúa không ăn chắc sang trồng cây ăn quả, cây công nghiệp ngắn ngày; khuyến khích "dồn điền, đổi thửa" giữa các hộ nông dân; giải quyết kịp thời đất ở, đất sản xuất cho các hộ còn thiếu đất, nhất là các hộ phải di chuyển khỏi vùng quy hoạch. Tiến hành rà soát quỹ đất của các nông, lâm trường, thu hồi những diện tích đất không sử dụng hoặc sử dụng kém hiệu quả giao lại cho địa phương để giao cho các hộ nghèo.

- Về tài chính, tín dụng: Tiếp tục thực hiện chính sách trợ giá, trợ cước các mặt hàng thiết yếu phục vụ sản xuất và đời sống; trợ giá giống cây trồng, vật nuôi cho đồng bào các dân tộc. Thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở; tạo điều kiện cho các hộ dân tộc thiểu số vay vốn để phát triển sản xuất, nhất là nguồn vay từ Ngân hàng Chính sách xã hội với các khoản tín dụng ưu đãi trung và dài hạn; chú trọng cho vay đối với các hộ ở những vùng sản xuất hàng hoá, thực hiện chuyển dịch cơ cấu sản xuất.

- Về đào tạo cán bộ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: Có chính sách hỗ trợ kinh phí đào tạo nghề, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ là người dân tộc thiểu số. Có kế hoạch sử dụng hết số học sinh ở các xã đặc biệt khó khăn, con em đồng bào các dân tộc đã tốt nghiệp đại học, cao đẳng; khuyến khích, thu hút cán bộ, nhất là sinh viên mới tốt nghiệp đại học về làm việc và phục vụ lâu dài tại địa phương vùng dân tộc, miền núi; coi trọng việc bồi dưỡng, đào tạo thanh niên sau khi hoàn thành nghĩa vụ quân sự làm nguồn cán bộ bổ sung cho cơ sở.

- Hỗ trợ thông tin, nhất là thông tin về kỹ thuật sản xuất, thị trường, tiêu thụ hàng nông, lâm sản... cho nhân dân các dân tộc thiểu số.

6- *Đổi mới nội dung và phương pháp công tác dân tộc cho phù hợp với đặc thù của từng dân tộc ở địa phương*: Kiện toàn, nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan làm công tác dân tộc. Nâng cao vai trò của mặt trận tổ quốc và các đoàn thể nhân dân; phát huy vai trò của những người có uy tín trong đồng bào dân tộc và các già làng trong việc thực hiện công tác dân tộc và triển khai các chính sách dân tộc. Thực hiện tốt nguyên tắc dân chủ, công khai trong quá trình thực hiện các chính sách, chương trình, dự án, vốn đầu tư... để đồng bào dân tộc biết và tham gia quản lý, giám sát quá trình thực hiện.

IV- Tổ chức thực hiện:

1- Các cấp ủy đảng, chính quyền, mặt trận tổ quốc và các đoàn thể nhân dân vùng dân tộc tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức cho cán bộ đảng viên, đoàn viên, hội viên và nhân dân các dân tộc về công tác dân tộc trong giai đoạn mới. Căn cứ vào nội dung Nghị quyết và Chương trình hành động của Tỉnh ủy để xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện của địa phương, đơn vị mình một cách thiết thực, hiệu quả; xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, biện pháp, thời gian hoàn thành, phân công rõ trách nhiệm để tổ chức thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra.

2- Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh căn cứ Nghị quyết số 24- NQ/TW và Chương trình hành động của Tỉnh ủy chỉ đạo các ngành chức năng làm tốt công tác quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội vùng dân tộc miền núi từ nay đến năm 2005 và đến năm 2010; phê duyệt các chương trình, dự án, ban hành các cơ chế, chính sách cụ thể để khuyến khích phát triển kinh tế- xã hội vùng dân tộc và miền núi; chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra, gắn việc thực hiện Chương trình hành động với thực hiện các chương trình phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh giai đoạn 2001-2005 thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XV, nhất là Chương trình phát triển kinh tế- xã hội miền núi gắn với xoá đói giảm nghèo.

3- Ban Dân tộc và Miền núi đề xuất, tham mưu cho UBND tỉnh ban hành cơ chế, chính sách, biện pháp thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Nghị quyết và Chương trình hành động của Tỉnh ủy; phối hợp với các ngành thực hiện lồng ghép các chương trình, các dự án đầu tư phát triển vùng dân tộc miền núi bảo đảm hiệu quả.

4- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị quân đội, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình có kế hoạch cụ thể và phối hợp với Ban Dân tộc và Miền núi, các đơn vị liên quan tăng cường biện pháp giúp đỡ các huyện, xã vùng dân tộc tổ chức thực hiện thắng lợi nội dung Chương trình hành động của Tỉnh ủy.

5- Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân phổ biến, quán triệt nội dung Nghị quyết và Chương trình hành động của Tỉnh ủy trong cán bộ, đoàn viên, hội viên của tổ chức mình; tổ chức cho đồng bào dân tộc thực hiện tốt cuộc

vận động “Toàn dân đoàn kết, xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư”, Nghị quyết số 23- NQ/TW của Hội nghị Trung ương bảy (khoá IX) về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”; tích cực tham gia giám sát tổ chức thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ chương trình, dự án, chính sách dân tộc trên địa bàn.

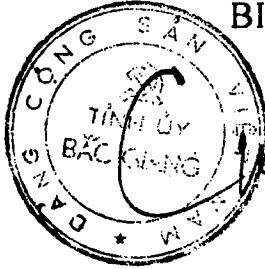
6- Các cơ quan thông tin như: Báo Bắc Giang, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Sở Văn hoá-Thông tin thường xuyên tuyên truyền nội dung Nghị quyết, Chương trình hành động của Tỉnh uỷ, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước về dân tộc trong thời kỳ đổi mới, biểu dương kịp thời những nhân tố mới, phê phán, uốn nắn những lệch lạc, thiếu sót trong quá trình tổ chức thực hiện.

7- Giao cho Ban Cán sự đảng UBND tỉnh, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh uỷ, Ban Dân vận Tỉnh uỷ, Văn phòng Tỉnh uỷ, Ban Dân tộc và Miền núi theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Chương trình này, định kỳ báo cáo tình hình, kết quả về Ban Thường vụ Tỉnh uỷ./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng.
- Ban Dân vận Trung ương Đảng. *(báo cáo)*
- Ủy ban Dân tộc.
- Văn phòng Trung ương Đảng.
- Các cơ quan, ban thuộc Tỉnh uỷ.
- Các ban cán sự đảng, đảng đoàn, lãnh đạo các ngành *(nơi không lập ban cán sự đảng)*.
- Các đồng chí Tỉnh uỷ viên.
- Văn phòng: + PVPTH. PVPNC.
+ CVTH. CVNC.
+ Lưu VT.

T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ



[Handwritten Signature]

Nguyễn Quốc Cường